TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/ HNGĐ - ST
Ngày 23 / 02/ 2024.
Về việc: Tranh chấp về xác định cha - con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Ngọc Lan và ông Nguyễn Hà Giang.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 108/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp xác định cha - con" theo Quyết định xét xử số 04/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: Xóm T 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: Xóm T 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2014.
Địa chỉ: Xóm T 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2017.
Địa chỉ: Xóm T2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
Cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2021.
Địa chỉ: Xóm T 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp cho cháu P, cháu Đ và cháu Ngọc A là chị Phạm Thị H, sinh năm: 1993; địa chỉ: Xóm T 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh Nguyễn Văn G còn vắng mặt chị Phạm Thị H (chị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn G trình bày: Anh và chị Phạm Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã K, huyện Y vào ngày 15/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức cưới, sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau,

trong quá trình chung sống anh thường xuyên phải đi xa vì công việc làm ăn, một tháng anh mới về nhà một lần, chị H ở nhà cùng với bố mẹ anh, cho đến nay anh và chị H có 03 người con là cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02/8/2014, cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22/7/2021, thời điểm sinh cháu Đ anh đi làm ăn xa hơn 2 năm anh mới về nhà. Trong thời gian chung sống cùng với các con, anh nhận thấy giữa anh và ba con có nhiều điểm không giống nhau, anh luôn nghi ngờ cả 03 cháu không phải là con đẻ của anh. Chính vì sự nghi ngờ này nên anh đã tự lấy mẫu và đi giám định ADN tại Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền. Sau đó kết quả giám định AND kết luận anh với cháu Đ, cháu P và cháu Ngọc A đều không có quan hệ huyết thống cha - con. Trong quá trình Tòa án giải quyết, do chị H cho rằng kết luận giám định không đúng, nên anh đã có đơn yêu cầu giám định AND đối với các cháu, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu Viện pháp y Quốc Gia giám định và lấy mẫu ADN của anh và ba cháu là cháu Nguyễn Xuân P, cháu Nguyễn Minh Đ và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A. Kết quả giám định AND của Viện pháp y Quốc gia kết luận giữa anh và cháu Nguyễn Xuân P, cháu Nguyễn Minh Đ và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, không có quan hệ huyết thống cha - con. Do vậy anh giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án tuyên bố giữa anh với cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02/8/2014, cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22/7/2021 không phải là cha - con.

Bị đơn chị Phạm Thị H trong bản tự khai và các biên bản khác chị trình bày: Chị với anh Nguyễn Văn G là vợ chồng và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã K, huyện Y vào ngày 15/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống cho đến nay giữa anh G và chị có 03 người con là cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02/8/2014, cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22/7/2021, hiện các cháu đang do chị nuôi dưỡng. Trong thời gian vợ chồng chung sống, anh G đã tự ý đưa các cháu đi giám định ADN và khi có kết luận của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền kết luận cả 3 cháu không phải là con chung giữa chị và anh G, anh G chỉ thông báo cho chị chứ không đưa bản kết luận cho chị xem, do vậy chị không nhất trí với 02 kết luận giám định ngày 12/9/2023 và ngày 24/02/2021 của anh G đưa ra. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã ra Quyết định trưng cầu Viện pháp y Quốc Gia giám định ADN giữa anh G và ba cháu cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02/8/2014, cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22/7/2021, chị có mặt trực tiếp chứng kiến việc lấy mẫu của giám định viên thuộc Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền Hà Nội. Qua kết luận giám định ADN của Viện pháp y Quốc gia kết luận anh G và cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02/8/2014, cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22/7/2021 không có quan hệ huyết thống cha - con. Với bản kết luận này chị hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì. Nay chị nhận trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân P, cháu Nguyễn Minh Đ và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A và chị không yêu cầu anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các cháu cho chị.

Về chi phí Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh G đã nộp số tiền 15.280.000 đồng để chi phí cho việc giám định ADN. Nay anh G yêu cầu chị H phải chịu số tiền này để trả lại cho anh vì anh đã bỏ ra để chi phí, Tòa án hòa giải thì chị H nhận trách nhiệm trả cho anh G một nửa là 7.640.000 đồng, còn anh G không nhất trí và yêu cầu chị H phải trả đủ cho anh số tiền chi phí này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn và Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc chị H vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập tới phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Giang, xác định anh Nguyễn Văn G không là cha đẻ của ba cháu do chị Phạm Thị H sinh ra là:

- Cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2014; theo trích lục khai sinh (bản sao) số 260/TLKS-BS, ngày 15/7/2020 do UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp.

- Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2017; theo trích lục khai sinh (bản sao) số 258/TLKS-BS, ngày 15/7/2020 do UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp.

- Cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2021 theo bản sao giấy khai sinh số 82/2021 ngày 04/9/2021 do UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp.

Về chi phí tố tụng: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu chi phí tố tụng về giám định ADN với số tiền là 15.280.000 đồng, để trả lại cho anh Nguyễn Văn G mà anh đã bỏ ra để chi phí. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa ngày 05/02/2024 có mặt anh Nguyễn Văn G còn chị Phạm Thị H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn G có mặt còn chị Phạm Thị H vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về yêu cầu xác định không phải là cha - con của anh G thấy rằng: anh G và chị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại xã K, huyện Y, quan hệ hôn nhân của anh G và chị H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống cho đến nay anh G và chị H có ba người con là cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2014; cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2017 và cháu

Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2021, các cháu đều sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Song trong thời gian sống cùng các cháu anh G nhận thấy các cháu không có điểm nào giống anh và họ hàng, mặt khác anh cũng có thời gian đi làm xa, ít có thời gian ở nhà, nên anh G nẩy sinh nghi ngờ các cháu không phải là con đẻ của anh, do đó anh G đã hai lần tự lấy mẫu và gửi đi xét nhiệm tại Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền. Kết quả anh G với cháu Đ, cháu P và cháu Ngọc A không có quan hệ huyết thống cha - con, anh G thông báo kết quả cho chị H biết nhưng chị cho rằng các cháu đều là con chung của vợ chồng, việc anh G tự lấy mẫu đi xét nhiệm chị không biết nên chị không thừa nhận kết quả giám định AND này.

Quá trình Tòa án giải quyết, anh G yêu cầu giám định ADN đối với các cháu, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu Viện pháp y Quốc Gia giám định và lấy mẫu ADN của anh G và cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02/8/2014, cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22/7/2021, tại Viện pháp y, việc lấy mẫu xét nghiệm của anh G và các cháu có sự chứng kiến của chị H. Tại bản Kết luận giám định số 35/24/ KLGDADN – PYQG ngày 22/12/2023 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1988 và cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02/8/2014, cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22/7/2021 không có quan hệ huyết thống cha - con. Sau khi nhận Thông báo về kết luận giám định 35/24/ KLGDADN - PYQG ngày 22/12/2023 của Viện pháp y Quốc gia và tại phiên hòa giải ngày 05/01/2024 chị H nhất trí với nội dung kết luận giám định và chị nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng ba cháu và chị không yêu cầu anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các cháu cho chị. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của anh G là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G để xác định anh Nguyễn Văn G không phải là cha đẻ của ba cháu do chị Phạm Thị H sinh ra là:

- Cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2014; theo trích lục khai sinh (bản sao) số 260/TLKS-BS, ngày 15/7/2020 do UBND xã K cấp, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp.

- Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2017; theo trích lục khai sinh (bản sao) số 258/TLKS-BS, ngày 15/7/2020 do UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp.

- Cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2021 theo bản sao giấy khai sinh số 82/2021 ngày 04/9/2021 do UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp.

[3] Về chi phí tố Tụng trong việc giám định: Anh G đã nộp số tiền 15.280.000 đồng để chi phí cho việc giám định ADN. Tòa án hòa giải anh G yêu cầu chị H phải chịu số tiền này để trả lại cho anh, còn chị H nhận trả một nửa chi phí là 7.640.000 đồng cho anh G nhưng anh G không đồng ý và tại phiên tòa anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chịu chi phí giám định như sau: "*Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng*

minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ...". Như vậy anh G là người yêu cầu giám định và yêu cầu của anh theo kết luận giám định là có căn cứ. Do vậy cần buộc chị H phải chịu chi phí giám định này là 15.280.000 đồng để trả lại cho anh G vì anh G đã nộp khi giám định theo hóa đơn số 00002212 ngày 20/12/2023 và phiếu thu số 10 ngày 20/12/2023 của Viện pháp y Quốc Gia là phù hợp.

[4] **Về án phí:** Anh G yêu cầu xác định cha-con, do các cháu chưa thành niên nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án thì anh G được miễn án phí. Hoàn trả lại cho anh G số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn G về xác định cha - con.

Xác định anh Nguyễn Văn G không phải là cha đẻ của các cháu do chị Phạm Thị H sinh ra là:

- Cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2014; theo trích lục khai sinh (bản sao) số 260/TLKS-BS, ngày 15/7/2020 do UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp.

- Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2017; theo trích lục khai sinh (bản sao) số 258/TLKS-BS, ngày 15/7/2020 do UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp.

- Cháu Nguyễn Phạm Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2021 theo bản sao giấy khai sinh số 82/2021 ngày 04/9/2021 do UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp.

2. Về chi phí Tố tụng: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu chi phí giám định số tiền là 15.280.000 đồng *(mười lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)* để trả lại cho anh Nguyễn Văn G mà anh G đã nộp khi giám định, theo hóa đơn số 00002212 ngày 20/12/2023 và phiếu thu số 10 ngày 20/12/2023 của Viện pháp y Quốc Gia.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn G số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001603 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã K.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung